

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC 2 QUÂN KHU 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST
Ngày 05-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 QUÂN KHU 5**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: 1// Nguyễn Duy Linh.
Các Hội thẩm quân nhân: 4/ Huỳnh Tân Sĩ;
4/ Nguyễn Cao Đức Hơn.

- Thư ký phiên tòa: 3/ Đặng Thế Thanh, Thư ký, Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53 tham gia phiên tòa: 1// Tôn Thất Phúc Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Văn P; Tên gọi khác: C; sinh ngày 06 tháng 7 năm 1989 tại tỉnh Ninh Thuận; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT: thôn C, xã T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; chỗ ở hiện nay: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc K, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1958; gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ tư; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị kết án hay xử lý hành chính lần nào; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/02/2022, bị tạm giam từ ngày 11/02/2022; có mặt.

- Bị hại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và đầu tư V-Xí nghiệp 2, Quân khu 5.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phùng Minh T, Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và đầu tư V-Xí nghiệp 2, Quân khu 5; địa chỉ: 134 đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- Người làm chứng:
1. Lê Văn L; vắng mặt.
2. Lê Thành C; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 19/11/2011, sau khi nhậu tại nhà anh Lê Văn N ở thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận xong, Lê Văn P và Lê Văn L, cùng trú tại thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận đi bộ về nhà. Trên đường về, P rủ L đến công trường nhà máy nước giải khát cao cấp Yên Sào ở thôn M, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa để trộm cắp tài sản, L đồng ý. Sau đó L về lấy xe mô tô còn P đứng đợi tại đường bê tông gần nhà L. Khi về đến nhà để lấy xe mô tô thì L thấy Lê Thành C là anh cùng cha khác mẹ với L đang đứng trước nhà, L rủ C “Đi không”, C không trả lời mà lên xe mô tô BKS 79Z1-01473 của L ngồi. L chở C ra đón P rồi điều khiển xe mô tô lưu hành trên Quốc lộ 1A hướng về xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Trên đường đi C nghe thấy P và L rủ đến công trường nhà máy nước giải khát cao cấp Yên Sào để trộm cắp tài sản, C đồng ý tham gia. Khi tới nơi P chỉ đường cho L điều khiển xe dọc theo tường rào phía sau công trường đến gần lỗ hổng dưới chân tường rào thì dừng lại. L nói C ở ngoài giữ xe và cảnh giới, còn P và L chui qua lỗ hổng dưới chân tường rào vào trong công trường. P và L đến nhà kho chứa vật dụng lấy trộm một máy hàn điện, sau đó đến khu vực gần lỗ hổng dưới chân tường rào lấy trộm một mô tơ bơm nước đi theo đường cũ chui qua lỗ hổng dưới chân tường rào ra ngoài công trường. C đến giúp P và L đưa tài sản trộm cắp đến vị trí xe mô tô. Khi L ngồi lên xe mô tô, C và P đưa mô tơ bơm nước để phía trước бага xe mô tô, còn máy hàn C ngồi giữa giữ. Sau đó L điều khiển xe mô tô chở C và P cùng tài sản trộm cắp được lưu thông trên Quốc lộ 1A theo hướng về lại thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Khi đi đến cầu M, thuộc xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa thì xe mô tô do L điều khiển bị vấp vào gờ trên mặt đường bị ngã nên L nói P và C ở lại đợi L chở tài sản trộm cắp được về cất giấu rồi quay lại đón. Đến khoảng 01 giờ ngày 20/11/2011, khi L điều khiển xe mô tô đến khu vực cây xăng D thuộc thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận thì bị lực lượng tuần tra Công an huyện T, tỉnh Ninh Thuận phát hiện, bắt giữ L cùng với tang vật. P và C đứng đợi nhưng không thấy L quay lại đón nên cả hai đi bộ về nhà L ngủ. Đến sáng ngày 20/11/2011, biết L bị lực lượng tuần tra Công an tỉnh Ninh Thuận phát hiện, bắt giữ cùng tang vật, P đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Sau khi Lê Văn P bỏ trốn khỏi địa phương Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 Quân khu 5 đã ra Quyết định khởi tố bị can số 06/QĐ-ĐTĐHS ngày 29 tháng 02 năm 2012, Quyết định truy nã số 02/QĐ-ĐTĐHS ngày 02 tháng 3 năm 2012 và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 01/QĐ-ĐTĐHS ngày 15 tháng 3 năm 2012 đối với P. Ngày 08/02/2022 Công an tỉnh Ninh Thuận bắt được bị can Lê Văn P tại thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận và bàn giao cho Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 Quân khu 5.

Ngày 16 tháng 5 năm 2012 Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5 đưa vụ án ra xét xử và xử phạt Lê Văn L với mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2012/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2012. Đối với Lê Thành C, qua phục hồi điều tra có đủ căn cứ xác định C đã đồng phạm với Lê Văn P và Lê Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên, quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, xác định từ ngày thực hiện hành vi đến nay, C không thực hiện hành vi

phạm tội mới. Căn cứ Điều 27 Bộ luật Hình sự (BLHS) thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Thành C đã hết nên không xem xét xử lý.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường do Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 Quân khu 5 lập hồi 14 giờ 00 phút ngày 06/12/2011 có nội dung xác định: Hiện trường xảy ra vụ trộm cắp tài sản là nơi lán trại dựng vách tôn tấm dài 1m, cao 2m, có lợp mái, diện tích (5,30 x 4)m được sử dụng làm nhà kho tạm cất giữ tài sản phục vụ công trình trong đó có 01 máy hàn 03 pha. Vị trí đặt máy bơm nước trước khi bị mất cách tường rào công trình phía Tây là 2,3m; cách góc trái phía Tây Nam của nền nhà kho là 13m. Phía Tây nơi đặt máy bơm nước, phát hiện dưới chân tường rào có một lỗ hổng thoát nước có diện tích (50 x 80)cm

Tại Kết luận về việc định giá tài sản số 124/HĐĐG ngày 22/11/2011 của Hội đồng định giá tài sản thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, xác định: 01 máy mô tơ bơm nước công suất 02HP, nhãn hiệu TECO; 01 máy hàn điện 03 pha có tổng giá trị là 2.550.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 19/11/2011, sau khi nhậu tại nhà anh Lê Văn N ở thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận xong, bị cáo Lê Văn P đã rủ Lê Văn L đến công trường nhà máy nước giải khát cao cấp Yên Sào ở thôn M, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa để trộm cắp tài sản, L đồng ý và nói để L về nhà lấy xe mô tô còn bị cáo đứng đợi gần nhà L, một lúc sau bị cáo thấy L điều khiển xe mô tô trên xe lúc đấy có chở thêm Lê Thành C ra tới nơi đón bị cáo chở đi ra Quốc lộ 1A hướng thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Trên đường đi C nghe thấy bị cáo và L rủ đi trộm cắp tài sản, C đồng ý tham gia. Khi tới công trường nhà máy nước giải khát cao cấp Yên Sào, bị cáo nói L chạy ra phía sau của công trường, khi đến gần vị trí lỗ hổng bị cáo nói L dừng xe lại. Tại vị trí lỗ hổng tường rào L có nói với C ở ngoài coi xe và cảnh giới, còn bị cáo cùng L chui qua lỗ hổng vào nhà kho để đồ lấy trộm 01 máy hàn điện, L là người mang máy hàn điện, sau đó bị cáo và L quay ra gần vị trí lỗ hổng tường rào lấy trộm thêm 01 máy bơm nước, bị cáo mang máy bơm nước và L mang máy hàn điện chui qua lỗ hổng ra ngoài công trường. Khi L ngồi lên xe mô tô bị cáo và C đưa máy bơm nước để phía trước бага xe mô tô còn C ngồi giữa giữ máy hàn. Sau đó L điều khiển xe mô tô chở tài sản trộm cắp được cùng bị cáo và C đi ra Quốc lộ 1A, khi đi đến cầu M, thuộc xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa thì xe mô tô do L điều khiển bị vấp vào gờ trên mặt đường bị ngã nên L nói bị cáo và C ở lại đợi L chở tài sản trộm cắp được về cất giấu rồi quay lại đón. Bị cáo và C đứng đợi nhưng không thấy L quay lại đón nên cả hai đi bộ về nhà L ngủ. Đến sáng ngày 20/11/2011, biết L bị bắt, do lo sợ nên bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 08/02/2022 bị cáo bị Công an tỉnh Ninh Thuận bắt theo lệnh truy nã.

Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của bị hại Phùng Minh T (đại diện theo pháp luật) trong hồ sơ được công khai tại phiên tòa: Giữ nguyên những lời khai, quan điểm trước đây có trong hồ sơ, về hình sự xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Lời khai của người làm chứng Lê Văn L và Lê Thành C trong hồ sơ được công khai tại phiên tòa như nội dung cáo trạng đã nêu ra, phù hợp với lời khai của bị cáo P, của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 05/CT-VKSQSKV53 ngày 04/4/2022 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53 truy tố bị cáo Lê Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với Lê Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá nguyên nhân, điều kiện, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử về hình sự: áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại đã được giải quyết trong Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2012/HSST nên không đặt ra xem xét.

Trong phần tranh luận: Bị cáo Lê Văn P không có tranh luận gì với Kiểm sát viên mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Bị hại Phùng Minh T (đại diện theo pháp luật) có đơn đề nghị HĐXX về hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về dân sự sau khi vụ án xảy ra đã nhận lại được tài sản bị mất nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Bị cáo Lê Văn P trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về việc làm sai trái của mình, mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 Quân khu 5, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn P khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, Bản kết luận về việc định giá tài sản,... Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 24 giờ 00 phút ngày 19/11/2011 tại công trường nhà máy nước giải khát cao cấp Yên Sào thuộc thôn M, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản, Lê Văn P đã có hành

vi khởi xướng, sau đó cùng Lê Văn L và Lê Thành C lén lút trộm cắp 01 mô tơ bơm nước 2HP và 01 hàn điện 3 pha là tài sản của Công ty Cổ phần Xây dựng và đầu tư V-Xí nghiệp 2, Quân khu 5 có tổng giá trị thiệt hại được xác định là 2.550.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn P đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Do hình phạt của tội “Trộm cắp tài sản” tại Điều 173 BLHS năm 2015 nhẹ hơn của Điều 138 BLHS năm 1999. Căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; điểm b khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015. Nên hành vi của Lê Văn P phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Đây là vụ án có tính chất đông phạm giản đơn, bị cáo không có sự bàn bạc, phân công gì trước khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo Lê Văn P thực hiện với vai trò là người khởi xướng và thực hành. Lê Văn L thực hiện với vai trò là người thực hành, Lê Thành C với vai trò là người giúp sức. Bị cáo là người còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu tu dưỡng bản thân, chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài, nên đã đi vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội số tài sản trong vụ án đã được thu hồi, tài sản bị thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị hại Phùng Minh T (đại diện theo pháp luật) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Lê Văn P có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra xử lý vụ án. Xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, lỗi, hậu quả vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, HĐXX nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Đã được giải quyết trong Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2012/HSST ngày 16/5/2012 của Tòa án quân sự khu vực 2 Quân khu 5 và hiện nay bị hại Phùng Minh T (đại diện theo pháp luật) có đơn đề nghị HĐXX không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án: sau khi vụ án xảy ra, 01 mô tơ bơm nước và 01 máy hàn điện ba pha đã được Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 Quân khu 5 tiến hành trao trả cho bị hại đúng theo quy định của pháp luật theo biên bản trao trả tài sản ngày 02/3/2012.

[7] Về án phí: Theo quy định khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1, khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Lê Văn P 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 08/02/2022.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Lê Văn P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 05 tháng 5 năm 2022 (kể từ ngày nhận được bản án đối với bị hại vắng mặt), bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 5./.

Nơi nhận:

- Viện KSQSKV53;
- Viện KSQSQK5;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Cơ quan ĐTHSKV3 QK5;
- Phòng THA QK5;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

1// Nguyễn Duy Linh